

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06/2014/QĐ-UBND

Tuy Hòa, ngày 01 tháng 4 năm 2014

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc bổ sung Quyết định số 16/2013/QĐ-UBND ngày 20/6/2013  
của UBND Tỉnh về ban hành Bảng đơn giá bồi thường  
đối với cây trồng trên địa bàn tỉnh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT ngày 01/10/2009 quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ tái định cư và trình tự, thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 475/TTr-STC-CSVG ngày 13/3/2014,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Bổ sung Quyết định số 16/2013/QĐ-UBND ngày 20/6/2013 của UBND Tỉnh về ban hành Bảng đơn giá bồi thường đối với cây trồng trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

- Bổ sung đơn giá bồi thường các loại cây trồng hàng năm tại Điều 1 Quy định đơn giá bồi thường đối với cây trồng trên địa bàn tỉnh Phú Yên ban hành kèm theo Quyết định số 16/2013/QĐ-UBND ngày 20/6/2013 của UBND Tỉnh.

STT	Danh mục cây trồng	Đơn vị tính	Giống thực sinh (hữu tính)
1	Cây sâm nam	Đồng/m <sup>2</sup>	10.000

- Bổ sung đơn giá bồi thường đối với cây lâu năm, cây lấy gỗ tại Điều 2 Quy định đơn giá bồi thường đối với cây trồng trên địa bàn tỉnh Phú Yên ban hành kèm theo Quyết định số 16/2013/QĐ-UBND ngày 20/6/2013 của UBND Tỉnh.

STT	Danh mục cây trồng	Đơn vị tính	Giống thực sinh (hữu tính)
1	Cây măng cầu ta		

	- Năm thứ 1	Đồng/cây	10.000
	- Năm 2 đến năm thứ 4	Đồng/cây	35.000
	- Cây thời kỳ thu hoạch:		
	+ Loại A	Đồng/cây	170.000
	+ Loại B	Đồng/cây	120.000
	+ Loại C	Đồng/cây	70.000
2	Cây măng cầu tây		
	- Năm thứ 1	Đồng/cây	12.000
	- Năm 2 đến năm thứ 4	Đồng/cây	40.000
	- Cây thời kỳ thu hoạch:		
	+ Loại A	Đồng/cây	230.000
	+ Loại B	Đồng/cây	170.000
	+ Loại C	Đồng/cây	100.000
3	Cây Huyết giác (sắc màu)		
	- Năm thứ 1	Đồng/cây	5.000
	- Năm thứ 2	Đồng/cây	20.000
	- Cây thời kỳ thu hoạch:		
	+ Loại A	Đồng/cây	70.000
	+ Loại B	Đồng/cây	50.000
	+ Loại C	Đồng/cây	30.000
4	Cây trứng cá		
	- Năm thứ 1	Đồng/cây	10.000
	- Năm thứ 2 đến năm thứ 4	Đồng/cây	70.000
	- Trên năm thứ 4	Đồng/cây	110.000

- Bổ sung đơn giá bồi thường đối với cây cảnh và cây xanh tại Điều 3 Quy định đơn giá bồi thường đối với cây trồng trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 16/2013/QĐ-UBND ngày 20/6/2013 của UBND Tỉnh.

STT	Danh mục cây trồng	Đơn vị tính	Giá trị thực sinh (hữu tính)
1	Cây Sứ trồng ngoài đất		
	- Cây mới trồng	Đồng/cây	10.000
	- Cây cao $h < 1,5m$ , đk gốc $< 5cm$	Đồng/cây	64.000
	- Cây cao $h \geq 1,5m$ , đk gốc $\geq 5cm$	Đồng/cây	80.000
	- Cây cao $h \geq 3m$ , đk gốc $\geq 10cm$	Đồng/cây	220.000
	- Cây cao $h \geq 5m$ , đk gốc $\geq 15cm$	Đồng/cây	400.000
2	Cây Phát tài		
	- Cây mới trồng	Đồng/cây	10.000
	- Cây có đk gốc $< 5cm$	Đồng/cây	50.000
	- Cây có đk gốc $\geq 5cm$	Đồng/cây	80.000

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Giao trách nhiệm Sở Tài chính định kỳ 6 tháng/lần rà soát, tham mưu cho UBND Tỉnh điều chỉnh, bổ sung Bảng đơn giá bồi thường đối với cây trồng trên địa bàn tỉnh cho phù hợp; phối hợp với cơ quan liên quan hướng dẫn, kiểm tra trong việc thực hiện theo đúng qui định hiện hành.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND Tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành trong tỉnh, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Tỉnh, Thủ trưởng cơ quan liên quan và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Ngọc Ân**